

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13A/2020/ HNGĐ – ST.

Ngày: 22/01/2020.

“V/v ly hôn giữa chị Duyên và anh Thắng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Quỳnh
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Văn Hải và ông Đỗ Xuân Chúc.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX-ST ngày 20/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 08/01/2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Tr, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Sinh quán, nơi ở: Phường B, Thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tr, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3/ Những người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 10/02/2010 (vắng mặt).

3.2 Cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 20/6/2017 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ HKTT: Thôn Tr, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

4/ Những người làm chứng:

4.1 Ông Nguyễn Đình Th.

Địa chỉ: Phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

4.2 Bà Đỗ Thị Q.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5 /2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Th vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện Y. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống trong ngôi nhà của bố mẹ anh Th, đầu năm 2010 vợ chồng chuyển đến Phố Nối thuê nhà trọ sinh sống. Năm 2012 vợ chồng chuyển vào Bình Dương làm ăn buôn bán, tháng 10 năm 2018 chị mang hai con về thị xã M sinh sống, tháng 6 năm 2019 anh Th ra bắc về sinh sống với chị và hai con. Trong thời gian chung sống ở thị xã M chị phát hiện anh Th có quan hệ tình cảm không lành mạnh, nên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh Th bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ tại xưởng Gara ô tô Chiến Thắng, ở thôn Th, xã T, huyện Y. Nay chị xác định hai vợ chồng không thể về đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Uy V sinh năm 2010 và Nguyễn Hoàng N sinh năm 2017, nay ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị D xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được, nên anh nhất trí ly hôn với chị Duyên.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng, hiện các cháu đang sinh sống với anh, nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị Duyên cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết xác minh thu thập chứng cứ thể hiện chị D và anh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Yên Mỹ vào ngày 10/9/2008, anh Th có hộ khẩu thường trú tại UBND thị trấn Yên Mỹ, nhưng không sinh sống ở địa phương, bố mẹ anh Th có mua đất và mở xưởng sửa chữa ô tô Chiến Thắng, hiện do em anh Th đang quản lý, anh Th thỉnh thoảng có về xưởng sửa chữa ô tô sinh sống.

Tại phiên tòa

Chị D có quan điểm giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Th, đề nghị được nuôi cháu N, để anh Th nuôi cháu V hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 179; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71 Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại UBND TT Yên Mỹ vào tháng 9 năm 2008, nên hôn nhân của hai anh chị là hợp pháp, tháng 7 năm 2019 sống ly thân, nay hai cùng đề nghị được ly hôn, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn anh Th, đề nghị giao cháu N cho chị D, cháu V cho anh Th nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa ngày 08/01/2020 anh Nguyễn Văn Th, người liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh Th và người liên quan, người làm chứng tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Th, người liên quan và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại UBND TT Yên Mỹ vào năm 2008, hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy theo Điều 8; 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do hai bên mất niềm tin ở nhau, mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, trong thời gian ly thân cả hai bên không có ý thức hàn gắn tình cảm để đoàn tụ nuôi dạy con chung, quá trình làm việc với Tòa án, anh Th cũng xác định không còn tình cảm, nhất trí ly hôn với chị D, nên có cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng

đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Hai anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 10/02/2010 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 20/6/2017. HĐXX xét thấy bố mẹ đều có quyền ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị Duyên hiện có công việc làm có nguồn thu nhập ổn định, cháu Nguyễn Hoàng N còn nhỏ tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ hơn bố, do vậy nay chấp nhận yêu cầu của chị D, giao chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, còn giao cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu V cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác, hai bên không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, công sức: Chị D và anh Th cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí không theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8; 9; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 24; 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hành kèm theo Nghị quyết.

2/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

3/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 20/6/2017, giao cho anh Nguyễn Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 10/02/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên đều được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản, công sức: Không giải quyết

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003008 ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị Duyên đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

Các đương sự

Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;

UBND TT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ;

UBND xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ;

Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Xuân Quỳnh